

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ
tương đương bậc 2 (dành cho sinh viên)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 về sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Hướng dẫn số 780/HD-ĐHNLBG ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thực hiện quy định về chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học đối với sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 25/11/2021 của Hội đồng xét kết quả kỳ thi cấp chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2 (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 13 tháng 11 năm 2021;

Theo đề nghị của chủ tịch Hội đồng thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2 (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 13 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 30 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 2 (A2) của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. (Có danh sách thí sinh và kết quả kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 2
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

*(Ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

1. Môn tiếng Anh

T T	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									Nghe	Đọc + Viết	Nói	Tổng điểm	
1	TA01	Lê Xuân Tú	Anh	20/07/1999	Thanh Hóa	Nam	D-QLDD7A	17DQLDD0459	17	48	6	71	A2
2	TA02	Phạm Viết	Ánh	20/07/1997	Nam Định	Nam	D-THUY6A	16DTY0392	10	52	8	70	A2
3	TA03	Bàn Văn	Chiến	12/09/2000	Bắc Giang	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0132	19	53	5	77	A2
4	TA04	Nguyễn Văn	Cừ	19/08/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0459	19	52	4	75	A2
5	TA08	Nguyễn Mạnh	Dương	08/12/1997	Hải Dương	Nam	D-THUY5B	15DTY0336	16	50	8	74	A2
6	TA09	Nguyễn Trường	Giang	17/08/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0528	13	49	8	70	A2
7	TA13	Phạm Việt	Hoàng	18/07/1999	Hà Nam	Nam	D-THUY7A	17DTY0538	14	44	12	70	A2
8	TA14	Trần Việt	Hoàng	24/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0380	18	50	13	81	A2
9	TA15	Nguyễn Thị	Huệ	13/12/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0411	20	57	12	89	A2
10	TA16	Lê Văn	Khanh	16/09/1999	Bắc Ninh	Nam	D-THUY7A	17DTY0542	16	48	12	76	A2
11	TA17	Diêm Công	Kiên	03/01/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTP7A	17DCNTP0150	14	45	11	70	A2
12	TA18	Nguyễn Thị Thùy	Linh	18/04/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0415	19	53	14	86	A2
13	TA19	Hoàng Thị Thùy	Linh	13/12/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6B	16DTY0477	16	47	10	73	A2
14	TA20	Nguyễn Trọng	Linh	16/09/1998	Bắc Ninh	Nam	D-THUY6B	16DTY0478	17	44	9	70	A2
15	TA21	Chu Đức	Mạnh	29/06/1998	Lạng Sơn	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0375	14	45	11	70	A2
16	TA22	Nguyễn Trí	Minh	11/06/2000	Bắc Giang	Nam	D-THUY8A	18DTY0573	18	41	11	70	A2
17	TA23	Nguyễn Tuấn	Minh	08/03/2000	Bắc Giang	Nam	D-QLTN 8A	18DQLTN0376	20	39	11	70	A2

T T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
								Nghe	Đọc + Viết	Nói	Tổng điểm	
18	TA24	Vũ Phương Nam	06/08/1999	Hưng Yên	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0135	19	53	5	77	A2
19	TA25	Nguyễn Xuân Nguyên	11/10/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4C	14DTY0249	17	51	13	81	A2
20	TA27	Nguyễn Thị Thanh Tâm	22/05/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0422	17	49	13	79	A2
21	TA28	Nguyễn Minh Tú	22/10/1993	Hà Nội	Nam	D-QLDD4B	14DQLDD0398	20	37	13	70	A2
22	TA29	Dương Văn Tự	10/08/2000	Bắc Giang	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0137	19	43	8	70	A2
23	TA30	Phan Văn Tuấn	12/12/2000	Bắc Giang	Nam	C-THUY19A	18CTY0121	16	48	9	73	A2
24	TA31	Nguyễn Anh Tuấn	06/10/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0319	20	51	7	78	A2
25	TA33	Nguyễn Văn Tuyền	06/12/2000	Bắc Giang	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0138	19	51	9	79	A2

Danh sách môn tiếng Anh gồm 25 thí sinh./.

2. Môn tiếng Trung Quốc

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI			Kết quả
								NGHE	ĐỌC	TỔNG ĐIỂM	
1	TQ01	Nguyễn Ngọc Ánh	17/11/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0397	68	76	144	A2
2	TQ02	Lộc Minh Châu	11/03/1998	Lạng Sơn	Nam	D-THUY6C	16DTY0395	85	84	169	A2
3	TQ03	Chu Văn Đoài	21/03/1999	Hưng Yên	Nam	D-THUY7A	17DTY0527	91	84	175	A2
4	TQ04	Nguyễn Văn Thụ	21/12/1999	Lạng Sơn	Nam	D-THUY7A	17DTY0559	91	100	191	A2
5	TQ05	Đỗ Danh Toàn	07/04/1999	Lạng Sơn	Nam	DTHUY7A	17DTY0560	85	96	181	A2

Danh sách môn tiếng Trung Quốc gồm 05 thí sinh./.